| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ TÂN,**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 177/2024/DS-ST
Ngày 15 – 8 – 2024
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Minh Hoàng

2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 294/2024/TLST-DS, ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp Đầu S, xã Tân H, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

*2. Bị đơn:* Ông Lâm Văn T và bà Nguyễn Thị C; Địa chỉ: ấp Cái B, xã Tân H, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Đ (nguyên đơn) trình bày:*

Vào ngày 23/8/2023 (âm lịch), ông Lâm Văn T cùng vợ là bà Nguyễn Thị C mượn của bà số tiền 20.000.000 đồng và hứa trong thời hạn một tháng sẽ trả lại. Khi mượn tiền, bà C có viết biên nhận nhưng từ khi mượn cho đến nay, bà đã đòi nhiều lần nhưng ông T cùng bà C không trả lại số tiền trên. Nay bà Đ yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà C trả một lần cho bà số tiền 20.000.000 đồng (hai chục triệu đồng), không đặt ra yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, bà Đ không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Đối với ông Lâm Văn T và Nguyễn Thị C (bị đơn), Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần nhưng ông T, bà C không đến Toà cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tiền, không có lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng tuy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, song vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn không đến Toà, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày của nguyên đơn, nhưng căn cứ vào biên nhận ngày 23/8/2023 (âm lịch) do bị đơn viết, ký tên "Nguyễn Thị C" cùng lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện việc bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền vốn vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến nay chưa trả là sự thật nên không phải chứng minh.

[4] Do bị đơn vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh có hay không việc thỏa thuận mức lãi suất phải trả, việc trả tiền vốn, tiền lãi cho nguyên đơn cũng như thỏa thuận thời hạn trả tiền là tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình nên lời trình bày của nguyên đơn về việc vay tiền, không tính lãi và việc thỏa thuận thời hạn trả nợ khi vay được chấp nhận. Mặc dù, bị đơn vi phạm thời hạn thỏa thuận trả nợ nhưng nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả - Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Bà C và ông T là vợ chồng, tuy biên nhận chỉ có bà C ký tên nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đây là nợ riêng của bà C hoặc giữa vợ chồng có thỏa thuận bằng văn bản được công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền về việc thỏa thuận làm ăn, kinh doanh riêng và tự chịu trách nhiệm riêng đối với khoản nợ trên trong khi giữa ông, bà vẫn tồn tại mối quan hệ vợ chồng. Do đó, cần buộc ông T cùng bà C là bị đơn trong vụ án có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) là phù hợp.

[6] Về thời gian thanh toán, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả một lần hết số tiền nợ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc ông Lâm Văn T, bà Nguyễn Thị C trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, ông Lâm Văn T và bà Nguyễn Thị C không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.*

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm Văn T cùng bà Nguyễn Thị C phải chịu số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng, chưa nộp).

Bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu. Ngày 20/6/2024, bà Đ đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003619 được trả lại toàn bộ cho bà Đ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

**Lâm Hoài Ân**